

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ANH MINH HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ANH MINH HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANH MINH HA NOI COMMERCIAL SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ANH MINH HA NOI CS CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109703829

3. Ngày thành lập: 13/07/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 9A ngách 22/3 Phố Phú Viên, Tổ 2, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936.284.169

Fax:

Email:

Website: thanh.thanhnguyenkt@gmail.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	In ấn	1811
2.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
3.	Sao chép bản ghi các loại	1820
4.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
5.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
6.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
7.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
8.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe cơ động khác)	3315
9.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
10.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
11.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13.	Phá dỡ	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

19.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
20.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
21.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
22.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
23.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
24.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
25.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
26.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
27.	Bán buôn thực phẩm	4632
28.	Bán buôn đồ uống	4633
29.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
30.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
31.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
32.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
33.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
36.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
37.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
38.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
39.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
40.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại cấm)	4690(Chính)
41.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

42.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
43.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
44.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
45.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
46.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
47.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
48.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
49.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
50.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
51.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
52.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
53.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
54.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí và loại nhà nước cấm)	4773
55.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
56.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
57.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
58.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
59.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
60.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
61.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
62.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
63.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
64.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
65.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
66.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
67.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
68.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

69.	Vận tải hành khách hàng không	5110
70.	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
71.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
75.	Bốc xếp hàng hóa	5224
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay)	5229
78.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
79.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
80.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
81.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
82.	Xuất bản phần mềm	5820
83.	Lập trình máy vi tính	6201
84.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
85.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
86.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
87.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
88.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
89.	Quảng cáo	7310
90.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
91.	Đại lý du lịch	7911
92.	Điều hành tua du lịch	7912
93.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Việt Nam	Số 9A ngách 22/3 Phố Phú Viên, Tổ 2,, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	50,000	036185015290	
2	ĐOÀN LAN ANH	Việt Nam	12 Lô B Khu Hồ Đấu, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	50,000	001179016635	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH THẢO

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/07/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036185015290

Ngày cấp: 13/04/2021

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 9A ngách 22/3 Phố Phú Viên, Tổ 2, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 9A ngách 22/3 Phố Phú Viên, Tổ 2, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội